

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị 32-CT/TU ngày 29/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong triển khai thực hiện “Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Thực hiện Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 04/12/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 2515/SNV-CCHC&VTLT ngày 19/12/2023 (sau khi có ý kiến thống nhất của các cơ quan, đơn vị liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- Báo HT, Đài PT-TH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2024

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày
/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tiếp tục triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030¹ của Chính phủ, của tỉnh²; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi là Nghị quyết số 12-NQ/TU).

1.2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung trọng tâm vào cải cách thể chế, cải cách chế độ công vụ, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao chất lượng dịch vụ công, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.3. Từng bước nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX) và các chỉ số có liên quan: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).

2. Yêu cầu

2.1. CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

2.2. Triển khai công tác CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, mạnh dạn đột phá, triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

¹Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030.

²Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030.

của tỉnh năm 2024. Trong quá trình triển khai yêu cầu lồng ghép triển khai đồng bộ, thống nhất các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030 gắn với Nghị quyết cấp ủy Đảng, chương trình, kế hoạch, Đề án của chính quyền các cấp về CCHC.

2.3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt. Các nội dung CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm; gắn với tình hình thực tiễn, mỗi cơ quan, địa phương cần xác định cụ thể từng nhiệm vụ, giải pháp để đảm bảo đạt tiến độ, chất lượng, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, là động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2024.

2.4. Các sở, ngành: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC kịp thời, hiệu quả.

2.5. Bố trí đủ nguồn lực và có các giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của kế hoạch.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Chỉ đạo điều hành CCHC

1.1. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của tỉnh; 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã ban hành kế hoạch và triển khai có hiệu quả kế hoạch CCHC năm 2024.

1.2. Phần đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương.

1.3. Tối thiểu 35% cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm 2024; 100% các đơn vị, địa phương ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra CCHC các đơn vị trực thuộc, đảm bảo thực chất và đúng quy định.

2. Cải cách thể chế

2.1. Phần đầu từ 90% trở lên nội dung tại các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng.

2.2. Phần đầu từ 95% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo kết quả rà soát.

2.3. Phần đầu từ 90% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng: cấp tỉnh 90%, cấp huyện 80%, cấp xã 75% số hồ sơ tiếp nhận.

3.2. 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến (toàn trình, một phần) và được cập nhật lên cơ sở dữ liệu quốc gia về

TTHC và công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 70%; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 90%.

3.3. Tối thiểu 70% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

3.4. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai.

3.5. Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu tương ứng: cấp tỉnh 50%, cấp huyện 45%, cấp xã 40% trở lên.

3.6. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt từ 94% trở lên.

3.7. Phần đầu trong năm tổ chức ít nhất từ 02 đến 03 cuộc đối thoại/diễn đàn của lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp, hiệp hội.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

4.1. Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp đối với 100% đơn vị sự nghiệp công lập có phương án sắp xếp, kiện toàn theo Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Phần đầu năm 2024, giảm 28 biên chế công chức; giảm 531 biên chế viên chức so với năm 2023.

5. Cải cách chế độ công vụ

5.1. Phần đầu 50% cán bộ, công chức dưới 40 tuổi (lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện) giao tiếp được với người nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác.

5.2. 85% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền).

6. Cải cách tài chính công

6.1. Giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 so với năm trước liền kề.

6.2. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

6.3. 100% cơ quan hành chính nhà nước được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

6.4. Có ít nhất 02 đơn vị sự nghiệp công lập tăng mức độ tự chủ so với năm trước liền kề.

6.5. Tỷ lệ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 85%.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

7.1. Triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến 100% cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia.

7.2. Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của các sở, ngành được kết nối liên thông để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công đạt 70%.

7.3. Từng bước triển khai 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý (trừ hoạt động kiểm tra hoặc thông tin tư liệu của hoạt động kiểm tra thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

7.4. 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xác lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUNG

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Tiếp tục chỉ đạo đồng bộ, hiệu quả, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xác định rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước tỉnh giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy và Đề án của UBND tỉnh một cách đồng bộ, hiệu quả; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong CCHC gắn với tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra CCHC.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, duy trì đánh giá, xếp loại đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong CCHC. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác CCHC.

- Tăng cường công tác đối thoại của người đứng đầu các cấp với người dân, doanh nghiệp theo quy định.

- Thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện các văn bản của các cấp về CCHC dưới nhiều hình thức, thông qua các cuộc họp giao ban, trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương; nâng cao vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí trong việc thông tin, tuyên truyền CCHC; tổ chức tuyên truyền qua các hoạt động tập huấn, tọa đàm, tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về CCHC.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, trang bị các kiến thức, kinh nghiệm về CCHC; giới thiệu, mạnh dạn áp dụng các mô hình mới, sáng kiến, cách làm hay trong CCHC vào thực tiễn.

- Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định chỉ số CCHC theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức khảo sát, đánh giá.

- Tổ chức tốt công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất về công tác CCHC; tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

2. Cải cách thể chế

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính, chế độ công vụ đầy đủ, đồng bộ trên cơ sở Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức và các quy định pháp luật có liên quan.

- Thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo các văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành đều được thẩm định theo đúng trình tự, thủ tục và tiến độ thời gian theo quy định.

- Kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết các nội dung được giao tại các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình pháp luật hàng năm; kịp thời kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt tập trung vào việc rà soát các văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành với các quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Ban hành QPPL và các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa để nâng cao hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

- Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị-xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

- Tăng cường hiệu quả việc thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1. Trong đó, tạo sự liên thông giữa hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật với hoạt động tổ chức thực thi pháp luật. Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao thường xuyên, kịp thời rà soát, nắm bắt, tổng hợp các quy định của pháp luật có nội dung chưa rõ, khó hiểu, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc thiếu khả thi, đồng thời, rà soát tổng hợp các quy định pháp luật không rõ ràng, thiếu tính minh bạch, khó tuân thủ, bất hợp lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ. Tiếp tục rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh, phí, lệ phí và các văn bản QPPL có quy định về TTHC theo hướng đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các Văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác cải cách TTHC của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ về cải cách TTHC; trọng tâm triển khai Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

- Tập trung rà soát, đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa cơ các quan hành chính nhà nước không liên quan đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện TTHC nội bộ giữa cơ các quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) được giải quyết đúng quy định theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được kiểm soát chặt chẽ qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (trừ các TTHC đặc thù hoặc được UBND tỉnh cho phép thực hiện tại cơ quan, đơn vị). Đảm bảo Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoạt động ổn định, hiệu quả và kết nối với Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Rà soát, bổ sung, nâng cấp hoàn thiện một số chức năng hỗ trợ trong giao dịch trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo thuận tiện, dễ sử dụng, dễ khai thác; là công cụ giám sát, quản lý chất lượng giải quyết TTHC của công chức, cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện kiểm soát trách nhiệm giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC; giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn giải quyết nhất là ở cấp huyện và cấp xã; nghiêm túc thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện nghiêm túc việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh nhất là thanh toán trực tuyến các thủ tục đất đai, thu lệ phí trước bạ...

- Phát huy vai trò các thành viên Tổ công tác theo Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh trong việc thực hiện kiểm tra hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, kiểm tra và hướng dẫn việc thực hiện công tác kiểm soát, cải cách TTHC tại các sở, ban, ngành, địa phương.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Công điện số 209/CD-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành quy định, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện khi có sự thay đổi.

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định và thực tiễn yêu cầu nhiệm vụ tại địa phương, trong đó chú trọng sắp xếp lại hệ thống cơ sở y tế, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, văn hóa, thể thao và du lịch... đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tập trung sắp xếp cơ cấu bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập; giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Phê duyệt Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm giảm tỷ lệ và nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công: rà soát, đánh giá cụ thể khả năng tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng phương án, lộ trình chuyển dần mức độ tự chủ, giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nhằm phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng đơn vị, địa phương.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức để chủ động sắp xếp, tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện tinh giản biên chế năm 2024 theo chủ trương tại Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý, bố trí sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí số lượng cấp trưởng, cấp phó tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, cải tiến quy trình, quy chế làm việc, loại bỏ các khâu trung gian để tổ chức, sắp xếp lại bộ máy đảm bảo tinh gọn.

- Triển khai theo lộ trình thực hiện Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn, chức danh theo quy định; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo Công điện số 280/CD-TTg và 968/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận số 29-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh và các văn bản quy định, hướng dẫn của tỉnh.

- Triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2024 theo kế hoạch; tiếp tục đổi mới hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo thiết thực, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- Tổ chức sắp xếp, bố trí công chức theo vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; hoàn thiện Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và quản lý biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; rà soát, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức một cách chủ động, nhanh chóng.

6. Cải cách tài chính công

- Tăng cường các biện pháp để giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo quy định, thực hiện các nhiệm vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện việc mua sắm, xây dựng đúng tiêu chuẩn, định mức theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Đôn đốc các đơn vị xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và Áp dụng ISO

7.1. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia phục vụ công tác quản lý, điều hành trong hội họp.

- Đẩy mạnh việc xây dựng và cung cấp cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; kết nối liên thông cơ sở dữ liệu của các sở, ngành; cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 06 của Thủ tướng chính phủ.

- Tiếp tục triển khai đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

- Từng bước triển khai hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý (trừ hoạt động kiểm tra hoặc thông tin tư liệu của hoạt động kiểm tra thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo cho các hệ thống thông tin hoạt động an toàn, bảo mật, thông suốt phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo các mục tiêu tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Triển khai tích hợp cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử có thời hạn bảo quản vĩnh viễn vào Lưu trữ lịch sử tỉnh đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và thí điểm tại một số UBND cấp huyện; tiếp tục triển khai lập hồ sơ điện tử trên Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

7.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị

- Tiếp tục tổ chức duy trì, cải tiến có hiệu quả việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị đã xây dựng và áp dụng đảm bảo thực chất hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại 76 trường học, đơn vị sự nghiệp cấp huyện; mở rộng hệ thống tại 33 UBND xã Nông thôn mới.

- Triển khai thí điểm xây dựng áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020, Hệ thống quản lý chất lượng - Hướng dẫn áp dụng TCVN ISO 9001:2015 tại 02 UBND cấp huyện.

- Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính theo quy

định của pháp luật hiện hành; các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa quá trình xử lý công việc, đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện. Xây dựng và công bố quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện; thực hiện điện tử hóa các quy trình đã xây dựng.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hàng năm đối với việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị; phối hợp lồng ghép các cuộc kiểm tra cải cách hành chính để đánh giá chất lượng hệ thống.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ về xây dựng, áp dụng, kiểm tra, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 cho cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị.

- Quan tâm, bố trí nguồn kinh phí hợp lý theo quy định phục vụ cho việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, sản phẩm, phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian cụ thể thực hiện theo **Phụ lục** kèm theo.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2024 được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định về phân cấp ngân sách và các quy định khác. Đối với các nhiệm vụ được phê duyệt theo Đề án, Kế hoạch, Dự án thực hiện theo kinh phí của Đề án, Kế hoạch, Dự án được phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh

- Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò các thành viên Ban Chỉ đạo được giao chủ trì thực hiện các lĩnh vực/nội dung của tỉnh³ về CCHC; chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các nội dung được giao chủ trì theo Kế hoạch này và theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh chỉ đạo quyết liệt thúc đẩy công tác CCHC; quan tâm bố trí nhân lực, tài chính, thời gian và các nguồn lực cần thiết; chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời, thường xuyên, liên tục các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong triển khai các nội dung, nhiệm vụ CCHC.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã

³Chỉ đạo điều hành CCHC, cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

2.1. Tổ chức thực hiện các nội dung CCHC theo kế hoạch. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được xác định tại Kế hoạch này, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; chủ động xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2024 của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án triển khai của UBND tỉnh phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời tập trung chỉ đạo, quán triệt, tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện đạt hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

Kế hoạch CCHC năm 2024 của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi chung **trước ngày 15/01/2024**; Kế hoạch CCHC năm 2024 của UBND cấp xã báo cáo về UBND cấp huyện trước ngày 05/02/2024 để tổng hợp, theo dõi.

2.2. Thực hiện nghiêm quy định tại Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh về thực hiện cải cách hành chính; tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành công tác CCHC bằng những việc làm cụ thể, có tính đột phá để đạt hiệu quả thực chất. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung CCHC nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước.

2.3. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội thúc đẩy CCHC, nhất là TTHC; rà soát, đơn giản hóa, cập nhật, công khai và hướng dẫn kịp thời, đầy đủ các TTHC, các văn bản quy định về TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan, đơn vị tại trụ sở làm việc, trên công/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2.4. Tổ chức hội nghị đối thoại với người dân, tổ chức và doanh nghiệp về các vấn đề có liên quan tới giải quyết công việc của người dân, tổ chức và doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị theo quy định.

2.5. Chủ động, mạnh dạn đề xuất thực hiện hoặc thí điểm thực hiện những mô hình, giải pháp, sáng kiến hiệu quả, có tính khả thi và có sự đồng thuận cao từ phía tổ chức, người dân để tạo sự đột phá trong công tác CCHC. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến giao tiếp, văn hóa ứng xử, quyền và nghĩa vụ của công chức, viên chức, kỷ luật, kỷ cương hành chính, ưu tiên bồi dưỡng đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức tiếp dân, thực hiện TTHC, giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức tại các lĩnh vực đất đai, xây dựng, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, y tế, bảo hiểm xã hội... nội dung của Chỉ số PARINDEX, SIPAS đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý.

2.6. Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bằng các hình thức phù hợp, thuận tiện cho người dân, tổ chức và đảm bảo thực chất, hiệu quả. Định kỳ hàng quý có báo cáo kết quả lấy ý kiến đánh giá phục vụ công tác chỉ đạo điều hành

CCHC của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2.7. Triển khai việc đánh giá kết quả công tác CCHC qua xác định Chỉ số CCHC hằng năm đối với cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo thực chất, khách quan, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ CCHC; thực hiện sơ kết, tổng kết công tác CCHC theo quy định.

3. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

- Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2024 theo hướng dẫn của ngành và Kế hoạch của UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ và gửi kế hoạch CCHC năm 2024 về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 31/01/2024.

- Chủ động triển khai có hiệu quả các nội dung CCHC của ngành, đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách các thủ tục hành chính có liên quan, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ người dân và tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực thực hiện công tác tuyên truyền về CCHC; mở rộng các hình thức tuyên truyền về công tác CCHC tại cơ quan, ngành mình.

4. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai kế hoạch CCHC năm 2024 của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ theo quy định.

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, triển khai kế hoạch này và chủ trì tham mưu tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính theo kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh; chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung CCHC của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ CCHC có chất lượng, hiệu quả.

5. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ số liệu thủ tục hành chính thực hiện “tiếp nhận và trả kết quả” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Thực hiện hướng dẫn, theo dõi TTHC của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền được giao tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Tăng cường các hình thức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC.

6. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC trên báo, đài, báo điện tử; tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng, có trọng tâm, trọng điểm, bằng nhiều hình thức nhất là thông tin, tuyên truyền về các mô hình hay, cách làm tốt, cũng như các tồn tại, hạn chế và

góp ý, hiến kế cho các cấp chính quyền làm tốt hơn công tác này. Đồng thời nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác CCHC; giúp người dân, doanh nghiệp được tiếp cận dễ hiểu rõ hơn về các nội dung công tác CCHC.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh

- Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia vào các khâu, lĩnh vực trong tiến trình CCHC. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện CCHC nhà nước các cấp.

- Vận động người dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông, báo chí giám sát việc thực hiện CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện triển khai Kế hoạch này một cách kịp thời, hiệu quả; báo cáo kết quả thực hiện theo quý, 6 tháng, năm và đột xuất (nếu có) công tác CCHC về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ); Sở Nội vụ tổng hợp kết quả triển khai thực hiện tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ, Ban chỉ đạo CCHC Chính phủ theo quy định. Đồng thời kịp thời tham mưu UBND tỉnh đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hoàn thành kế hoạch này./.

PHỤ LỤC
KHUNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM NĂM 2024
(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC							
1	1.1. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của tỉnh	2.1. Ban hành khai Kế hoạch CCHC năm 2024 của tỉnh	3.1. Xây dựng dự thảo văn bản đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ 3.2. Tổng hợp và xin ý kiến, hoàn thiện dự thảo, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành	Văn bản và các dự thảo kèm theo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan khác	Trước 25/12/2023	
		2.2. Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác CCHC	3.3. Xây dựng dự thảo văn bản, xin ý kiến	Công văn Công văn, dự thảo văn bản chỉ đạo	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Năm 2024	
		2.3. Xây dựng, ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC và các chỉ số liên quan năm 2024	3.4. Xây dựng dự thảo, trình ban hành kế hoạch	Kế hoạch	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã	Tháng 01/2024	Theo dự toán được cấp

			3.5. Tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền	Các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú			Thường xuyên	
		2.4. Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết	3.6. Các văn bản triển khai các hội nghị	Công văn, báo cáo, giấy mời, thông báo kết luận	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo dự toán được cấp
2	1.2. Cải thiện, nâng cao thứ hạng chỉ số CCHC của tỉnh và các chỉ số liên quan	2.5. Triển khai xác định chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2023 theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ	3.7. Văn bản chỉ đạo triển khai xác định chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2023 3.8. Công văn, hướng dẫn, Báo cáo tự đánh giá chấm điểm chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2023	Công văn Báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh	Theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ	Theo dự toán được cấp
		2.6. Ban hành, triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS	3.9. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS 3.10. Văn bản chỉ	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Sau khi các cơ quan liên quan công bố chỉ số PAPI, Bộ Nội vụ	Theo dự toán được cấp

			đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế của các chỉ số				công bố chỉ số CCHC tỉnh năm 2024	
		2.7. Triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số PCI	3.11. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số PCI 3.12. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Sau khi các cơ quan liên quan công bố chỉ số PCI năm 2024	
		2.8. Triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số DTI	3.13. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số DTI 3.14. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ số DTI năm 2024	
3	1.3. Phân đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả đáp	2.9. Giới thiệu các mô hình, sáng kiến áp dụng và nhân rộng tại các cơ	3.15. Tập hợp, rà soát các sáng kiến, mô hình hay, hiệu quả giới thiệu cho	- Văn bản rà soát, giới thiệu - Tóm tắt	Sở Nội vụ chủ trì đối với nhân rộng mô	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	Theo dự toán được cấp

	ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương	quan, đơn vị, địa phương	các cơ quan, đơn vị, địa phương	giới thiệu các mô hình, sáng kiến	hình hay; Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì đối với áp dụng các sáng kiến CCHC			
		2.10 Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến mới (giải pháp mới) về CCHC	3.16. Viết sáng kiến, đánh giá hiệu quả và áp dụng vào thực tiễn	Các sáng kiến, giải pháp	Các cơ quan chủ trì các lĩnh vực CCHC tỉnh; cơ quan, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	
4	1.4. Tối thiểu 35% cơ quan đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm 2024	2.11. Tổ chức kiểm tra CCHC (gắn với kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TU)	3.17 Ban hành Kế hoạch Kiểm tra CCHC 3.18. Thông báo lịch kiểm tra và tiến hành kiểm tra tại các đơn vị, địa phương 3.19. Biên bản kiểm tra các đơn vị, địa phương	Kế hoạch, Công văn, Báo cáo kết quả kiểm tra, Biên bản kiểm tra tại các đơn vị, địa phương,	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các đơn vị được kiểm tra	Quý II, III/2024	Theo dự toán được cấp

			3.20. Báo cáo kết quả kiểm tra 3.21. Ban hành Văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra	Văn bản chỉ đạo				
		2.12. Kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ	3.22. Thông báo kiểm tra	Biên bản kiểm tra, báo cáo, văn bản chỉ đạo	Sở Nội vụ, Thành viên Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2024	
5	1.5. Tiếp tục đổi mới phương pháp, cách thức công tác thẩm định, đánh giá CCHC tại các đơn vị, địa phương	2.13. Thực hiện thẩm định chỉ số CCHC các cơ quan, đơn vị, địa phương	3.23. Thông báo lịch thẩm định; tiến hành thẩm định; họp hội đồng thẩm định cấp tỉnh và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả	Thông báo, Công văn, Quyết định, kế hoạch	Sở Nội vụ, Đoàn Kiểm tra, HĐĐ CCHC tỉnh;	các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo kế hoạch thẩm định hằng năm	
6	1.6. Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong tham mưu, triển khai CCHC	2.14. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng về CCHC cho cán bộ, công chức	3.24. Các lớp tập huấn, bồi dưỡng	Công văn (kế hoạch), Giấy mời, giáo án, bài giảng	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2024	Theo dự toán được cấp
7	1.7. Tham quan học tập kinh nghiệm CCHC tại các đơn vị, địa phương	2.15. Tổ chức học tập kinh nghiệm CCHC tại một số	3.25. Các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm	Công Văn, báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa	Năm 2024	Theo dự toán được

	trên địa bàn tỉnh	tỉnh, thành phố				phương		cấp
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
1	1.1. Phần đầu từ 90% trở lên nội dung tại các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng	2.1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết các nội dung được giao tại văn bản pháp luật của trung ương	3.1. Rà soát và lập danh mục nội dung giao quy định chi tiết tại các văn bản QPPL của Trung ương	Danh mục	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Thườn g xuyên	
			3.2. Xây dựng các dự thảo văn bản	Các văn bản QPPL	Sở, ban, ngành có liên quan	Sở Tư pháp	Thườn g xuyên	Theo dự toán được cấp
2	1.2. Tối thiểu 95 % văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định	2.2. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật	3.3. Thực hiện nghiêm túc quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo, công văn	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý I	
			3.4. Hướng dẫn nghiệp vụ chuyên sâu nâng cao kỹ năng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Hội nghị tập huấn hoặc Công văn hướng dẫn	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý II	Theo dự toán được cấp
			3.5. Tăng cường công tác kiểm tra văn bản QPPL	Văn bản hướng dẫn; Báo	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh,	Thườn g xuyên	

				cáo kết quả kiểm tra		UBND cấp huyện		
3	1.3. Phân đầu đảm bảo tối thiểu 90% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả	2.3. Kiểm tra công tác TĐTHPL và tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh	3.6. Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành	- Thành lập đoàn kiểm tra - Thực hiện kiểm tra tại các cơ quan đơn vị, địa phương	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý IV	Theo dự toán được cấp
4	1.4. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương	2.4. Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương	3.7. Xây dựng dự thảo	Đề án	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý IV/2024	
III	CẢI CÁCH TTHC VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG							
1	1.1. Ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2.1. Xây dựng dự thảo ban hành Kế hoạch	3.1. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan; trình UBND tỉnh ban hành.	Kế hoạch kèm theo	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý I/2024	
2	1.2. Thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với dự thảo văn	2.2. Xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND hoặc	3.2. Triển khai đánh giá tác động, tính toán chi phí	Biểu mẫu đánh giá tác động TTHC,	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

	bản QPPL có quy định về TTHC	Quyết định UBND có quy định TTHC	tuân thủ TTHC; lấy ý kiến Văn phòng UBND tỉnh về TTHC.	Văn bản cho ý kiến về TTHC				
3	1.3. 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai; rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ để cắt giảm 20% quy định và 20% chi phí tuân thủ TTHC nội bộ	2.3. Rà soát cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước.	3.3. Tiến hành triển khai rà soát và cắt giảm quy định liên quan đến TTHC nội bộ; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Biểu mẫu rà soát, báo cáo đơn giản hóa TTHC, Quyết định phê duyệt	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Quý I, II năm 2024	
4	1.4. 100% TTHC được công bố, công khai sau khi Bộ, ngành công bố TTHC liên quan	2.4. Xây dựng dự thảo Quyết định công bố	3.4. Lấy ý kiến Sở KH&CN; trình UBND tỉnh; cập nhật, đăng tải TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng bộ về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.	Quyết định công bố TTHC	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh, Sở KH&CN	Thường xuyên	
5	1.5. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền	2.5. Nâng cao tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang	3.5. Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết	Tỷ lệ số hóa theo quy định	Các Sở, ban, ngành; UBND	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

	giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng: cấp sở 90%, cấp huyện 80%, cấp xã 75% số hồ sơ tiếp nhận	còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp 3.6. Theo dõi, cập nhật tình hình và tổ chức thực hiện kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính		cấp huyện, UBND cấp xã			
6	1.6. 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến (toàn trình, một phần) và được cập nhật lên cơ sở dữ liệu TTHC và công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia - Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 70%; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 90%.	2.5. Đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, một phần trên Cổng DVC Quốc gia để đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh 2.6. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, một phần	3.7. Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương 3.8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau; tập huấn về kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT,	- Báo cáo rà soát - Quyết định - Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia - Số hồ sơ giải	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

			chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp	quyết trực tuyển toàn trình, một phần - Giao diện phần mềm DVC đạt yêu cầu				
7	1.7. Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu tương ứng: cấp tỉnh 50%, cấp huyện 45%, cấp xã 40% trở lên.	2.7. Đẩy mạnh giao dịch thanh toán trực tuyến đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	3.9. Triển khai các giải pháp kỹ thuật để hỗ trợ thanh toán trực tuyến trong phần mềm dịch vụ công 3.10. Rà soát, thống kê số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, từ đó đề xuất số TTHC triển khai thanh toán trực tuyến và giao dịch trực tuyến	- Giải pháp kỹ thuật đáp ứng giao dịch và thanh toán trực tuyến - Biểu mẫu rà soát thống kê - Số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

				tài chính, được triển khai giao dịch thanh toán trực tuyến				
8	1.8. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 94% trở lên.	2.8. Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính	<p>3.11. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp; nâng cao năng lực của công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp</p> <p>3.12. Triển khai, áp dụng các sáng kiến CCHC, mô hình CCHC có hiệu quả trong giải quyết TTHC của các ngành, các lĩnh vực trên toàn tỉnh</p> <p>3.13. Tổ chức các lớp tập huấn liên quan đến nhiệm vụ</p>	<p>Báo cáo; (Đề án/ Kế hoạch); Quyết định; Công văn; Các lớp tập huấn</p>	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

			kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức tại Bộ phận một cửa các cấp					
9	1.9. Tối thiểu 70% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ	2.9. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC 2.10. Đẩy mạnh chứng thực điện tử 2.11. Kết nối chia sẻ các dữ liệu dùng chung đảm bảo an toàn thông tin, hiệu quả	3.14. Triển khai chứng thực điện tử 3.15. Kiểm tra danh tính số và thực hiện mở tài khoản danh tính số của người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVC Quốc gia 3.16. Thực hiện số hoá thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	- Chứng thực điện tử - Các dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ - Người dân được mở Tài khoản Danh tính số trên DVC QG - Thành phần HS được số hoá; Kết quả giải	Bộ phận một cửa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin truyền thông	Thường xuyên	

				quyết TTH được số hoá.				
10	1.10. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, định kỳ về việc giải quyết TTHC của các cơ qua, đơn vị, địa phương	2.12. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kiểm tra hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	3.17. Xây dựng kế hoạch, thông báo lịch kiểm tra	Kế hoạch, thông báo, biên bản kiểm tra	Văn phòng UBND tỉnh; Tổ công tác theo Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên	
11	1.11. Tăng cường công tác đối thoại của lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp (phần đầu ít nhất từ 02 đến 03 cuộc trong năm)	2.13. Tổ chức các hội nghị đối thoại, diễn đàn	3.18. Xây dựng kế hoạch, phân công các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện đối thoại	Kế hoạch, giấy mời, thông báo	Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2024	

IV		CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY						
1	1.1. Kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị	2.1. Rà soát, sắp xếp các tổ chức hành chính	3.1. Ban hành Quyết định kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị	Quyết định	Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
		2.2. Thực hiện sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các ĐVSN theo Đề án đã được phê duyệt	3.2. Ban hành Quyết định kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị.	Quyết định	Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
		2.3. Rà soát, xây dựng phương án, đề án và tổ chức thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật. Thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố	3.3. Xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật	Đề án/Nghị quyết	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện	Khi có chỉ đạo của Trung ương	

2	1.2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng quy định	2.4. Rà soát quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	3.4. Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị	Quyết định	Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
		2.5. Hướng dẫn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị cấp huyện	3.5. Ban hành Hướng dẫn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn cấp huyện; cho ý kiến đối với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các ĐVSN cấp huyện	Công văn	Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Thường xuyên	

3	1.3. Phân đầu năm 2024 giảm 28 biên chế công chức; giảm 531 biên chế viên chức so với năm 2023	2.6. Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hóa đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; đánh giá khả năng tự chủ về tài chính của các cơ quan, đơn vị, chuyển biên chế ngân sách sang biên chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên.	3.6. Rà soát, đánh giá và trình Quyết định tỷ lệ tự chủ tài chính của đơn vị hàng năm hoặc theo giai đoạn	Văn bản liên ngành	Sở Tài chính	Địa phương, sở, ban ngành có liên quan	Theo lộ trình đề án được phê duyệt	
		2.7. Quản lý, sử dụng hiệu quả số biên chế công chức, viên chức được giao.	3.7. Yêu cầu báo cáo; tăng cường quản lý, kiểm tra, việc sử dụng biên chế; trình cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm về giao và thực hiện biên chế (nếu có). 3.8. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, phân loại thực chất cán bộ,	Cuộc kiểm tra/ Văn bản đôn đốc/ hướng dẫn	Sở Nội vụ	Địa phương, sở, ban ngành có liên quan	Theo lộ trình đề án được phê duyệt	

			<p>công chức, viên chức. Thực hiện tinh giản biên chế đúng đối tượng (những cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm; không hoàn thành nhiệm vụ, những người dôi dư do xác định vị trí việc làm và sắp xếp tổ chức). Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm</p>					
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							
1	1.1. Phân đầu 50 % cán	2.1. Tuyên truyền,	3.1. Xây dựng kế	Quyết	Sở Nội vụ	Các Sở, ban,	Quý	Theo dự

	bộ, công chức dưới 40 tuổi (lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện) giao tiếp được với người nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác	khuyến khích, hỗ trợ theo chính sách đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh; tập trung vào bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế; cử cán bộ trẻ trong diện quy hoạch đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài theo những ngành tỉnh cần.	hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCCVC;	định		ngành, UBND cấp huyện	I/2024	toán được cấp
			3.2. Phối hợp mở lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt, đồng bộ công tác đào tạo bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế theo kế hoạch của tỉnh	Mở lớp tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2024	
			3.3. Thực hiện các quy trình tuyển dụng, tiếp nhận; thu hút nhân lực chất lượng cao vào những vị trí việc làm yêu cầu thành thạo ngoại ngữ (theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP và chính sách của tỉnh)	Thu hút, tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu, yêu cầu vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2024	Theo dự toán được cấp
			3.4. Cử cán bộ trẻ đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước	Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2024	
2	1.2. 85% cán bộ, công	2.2. Tuyên truyền,	3.5. Xây dựng kế	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban,	Năm	Theo dự

	chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền)	xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCC;			ngành, UBND cấp huyện	2024	toán được cấp
		2.3. Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin	3.6. Phối hợp mở lớp đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt, đồng bộ công tác đào tạo bồi dưỡng dưỡng kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin.	Mở lớp bồi dưỡng theo kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2024	
3	1.3. Tiếp tục hoàn chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị theo quy định	2.4. Rà soát, hoàn chỉnh đề án vị trí việc làm một số cơ quan đơn vị đảm bảo quy định	3.7. Rà soát, thẩm định, cho ý kiến về các đề án vị trí việc làm theo thẩm quyền	Công văn, Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
4	1.4. Thực hiện tinh giản biên chế theo quy định	2.5. Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026	3.8. Xây dựng dự thảo, xin ý kiến các cơ quan đơn vị liên quan Tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành theo quy định	Công văn, Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2024	
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							

1	<p>1.1. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ</p> <p>100% cơ quan hành chính nhà nước được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ</p>	<p>2.1. Tập huấn cho các đơn vị sự nghiệp công lập</p> <p>2.2. Cho ý kiến về giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>3.1. Tổ chức tập huấn</p> <p>3.2. Nghiên cứu phương án của đơn vị; ban hành văn bản cho ý kiến (nếu có)</p>	Giấy mời Văn bản	Sở Tài chính (TT Tư vấn dịch vụ tài chính)	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2024	
2	<p>1.2. Tỷ lệ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 85%</p>	<p>2.3. Đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (nếu có)</p>	<p>3.3. Đơn đốc, hướng dẫn</p>	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2024	
		<p>2.4. Đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt</p>	<p>3.4. Đơn đốc, hướng dẫn</p>	Công văn				

3	1.3. Giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 so với năm trước liền kề	2.5. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí được để lại, kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nhằm nâng mức độ tự chủ của đơn vị, giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước	3.5. Nghiên cứu phương án của đơn vị, ban hành văn bản cho ý kiến	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2024	
4	1.4. Có ít nhất 02 đơn vị sự nghiệp công lập tăng mức độ tự chủ	2.6. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên của các đơn vị để trình lại mức độ tự chủ tài chính	3.6. Nghiên cứu phương án của đơn vị. Ban hành văn bản cho ý kiến, hoặc trình văn bản giao tự chủ	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2024	
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ ÁP DỤNG ISO							

A	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số							
1	1.1. Triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến 100% cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia	2.1. Triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia	3.1. Triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến 100% cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia	Hệ thống hội nghị trực tuyến	VP UBND tỉnh	Sở TTTT, các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo KH chuyển đổi số
		2.2. Thuê dịch vụ CNTT kênh truyền kết nối mạng truyền số liệu dùng cấp II trên địa bàn tỉnh	3.2. Thuê dịch vụ CNTT kênh truyền kết nối mạng truyền số liệu dùng cấp II trên địa bàn tỉnh	Kênh truyền số liệu chuyên dùng cấp 2	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan	Năm 2024-2026	Theo KH chuyển đổi số
2	1.2. Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của các sở, ngành được kết nối liên thông để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công đạt 70%	2.3. Vận hành có hiệu quả hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP)	3.3. Tiếp tục vận hành có hiệu quả hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), thực hiện kết nối các CSDL	Vận hành hệ thống; tích hợp, kết nối các CSDL	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo KH chuyển đổi số
		2.4. Triển khai Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở của tỉnh	3.4. Triển khai Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở của tỉnh	Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo KH chuyển đổi số

		2.5 Số hóa và chứng thực điện tử hồ sơ, văn bản, tài liệu, phát triển cơ sở dữ liệu dùng chung các cấp	3.5 Xây dựng CSDL về hồ sơ TTHC, các văn bản tài liệu phục vụ cho phát triển CSDL dùng chung của tỉnh	Hệ thống Dữ liệu phục vụ xây dựng CSDL dùng chung tỉnh	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo KH chuyển đổi số
3	1.3. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn được đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng số đạt 100%	2.6. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT các cấp	3.6. Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT các cấp	Lớp đào tạo	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo KH chuyển đổi số
		2.7. Tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về CDS cho đội ngũ lãnh đạo, CCCVC các cấp	3.7. Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về CDS cho đội ngũ lãnh đạo, CCCVC các cấp	Lớp tập huấn	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo KH chuyển đổi số
4	1.4. Từng bước triển khai 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ	2.8. Thí điểm triển khai hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ	3.8. Thí điểm triển khai hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ	Thí điểm kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước thực hiện	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo KH chuyển đổi số

	quan quản lý (trừ hoạt động kiểm tra hoặc thông tin tư liệu của hoạt động kiểm tra thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	thông thông tin của cơ quan quản lý	quan quản lý	thông qua môi trường số				
5	1.5. Nâng cao hiệu quả hoạt động Công Thông tin điện tử tỉnh	2.9. Nâng cấp toàn diện Công Thông tin điện tử tỉnh	3.9. Nâng cấp Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo KH chuyển đổi số
6	1.6. Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước	2.10. Triển khai giám sát ATTT tập trung,	3.10. Triển khai hệ thống giám sát An toàn, an ninh mạng (SOC) của tỉnh	Hệ thống giám sát An toàn, an ninh mạng (SOC) của tỉnh	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo KH chuyển đổi số

		2.11. Triển khai giám sát mã độc tập trung	3.11. Triển khai hệ thống giám sát mã độc quản trị tập trung	Hệ thống giám sát mã độc quản trị tập trung	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan	Năm 2024	Theo KH chuyển đổi số
		2.12: Tiếp tục triển khai bảo đảm ATTT theo cấp độ	3.12. Đánh giá, xây dựng, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; triển khai các giải pháp đảm bảo ATTT theo cấp độ được phê duyệt	Quyết định phê duyệt; các giải pháp	Các cơ quan liên quan	Sở TTTT	Năm 2024	Theo dự toán được cấp
B	Áp dụng ISO 9001:2015 trong hoạt động của đơn vị							
1	1.1. 100% cơ quan, đơn vị duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015	2.1. Duy trì và cải tiến hệ thống tại các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn	3.1. Áp dụng hệ thống theo các điều khoản tiêu chuẩn, thực hiện theo các quy trình, hướng dẫn, quy định	490 cơ quan, đơn vị có liên quan duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu	Các cơ quan, đơn vị áp dụng	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I-IV năm 2024	Theo dự toán được cấp
2	1.2. 13 Trung tâm Văn hóa truyền thông cấp huyện hoàn thành xây dựng, áp dụng và	2.2. Xây dựng mới hệ thống tại 13 Trung tâm Văn hóa truyền thông	3.2. Triển khai xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống tại các đơn vị	13 Trung tâm Văn hóa truyền	UBND cấp huyện	Các trung tâm và đơn vị	Quý I-IV năm 2024	Theo dự toán được cấp

	công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2024	cấp huyện		thông công bố hệ thống phù hợp tiêu chuẩn		tư vấn		
3	1.3. 27% trường trung học cơ sở (40 trường) và 10% trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh (23 trường) hoàn thành xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2024	2.3. Xây dựng mới hệ thống tại 40 trường THCS, 23 trường Tiểu học công lập	3.3. Triển khai xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống tại các đơn vị	40 trường THCS, 23 trường Tiểu học công bố hệ thống phù hợp tiêu chuẩn	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các trường và đơn vị tư vấn	Quý I-IV năm 2024	Theo dự toán được cấp
4	1.4. 33 UBND xã đạt chuẩn Nông thôn mới hoàn thành xây dựng mở rộng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2024	2.4. Tổ chức rà soát đánh giá hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý, triển khai xây dựng và áp dụng mở rộng hệ thống tại các UBND cấp xã, đặc biệt chú trọng xây dựng và áp dụng quy trình	3.4. Thực hiện rà soát chuẩn hóa lại hệ thống đồng thời xây dựng mở rộng áp dụng đối với các hoạt động nội bộ thực hiện điều hành tác nghiệp và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn UBND cấp xã đạt chuẩn Nông thôn	33 UBND cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới hoàn thành xây dựng mở rộng	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các UBND cấp xã đạt chuẩn NTM, đơn vị tư vấn, Sở Khoa học và Công	Quý I-IV năm 2024	Theo dự toán được cấp

		nội bộ thực hiện điều hành tác nghiệp và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn	mới	hệ thống		nghệ		
5	1.5. Thí điểm xây dựng áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 Hệ thống quản lý chất lượng - Hướng dẫn áp dụng TCVN ISO 9001:2015 tại 02 UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh (theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ nếu có)	2.5. Tổ chức xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 tại 02 UBND cấp huyện	3.5. Lựa chọn đơn vị thí điểm; Căn cứ chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng và áp dụng tại đơn vị	Hoàn thành triển khai áp dụng thí điểm tại 02 UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan; 02 UBND cấp huyện được lựa chọn; các Sở, ngành liên quan	Quý I-IV năm 2024	Theo dự toán được cấp
6	1.6. 100% Quyết định công bố Danh mục, quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp	2.6. Soát xét, kiểm tra các dự thảo Quyết định công bố Danh mục và quy trình nội bộ theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây	3.6. Thực hiện việc kiểm tra, soát xét các dự thảo Quyết định công bố, Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã	Quyết định công bố danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành liên quan.	Quý I-IV năm 2024	Theo dự toán được cấp

	huyện, xã do UBND tỉnh ban hành được soát xét, kiểm tra đáp ứng yêu cầu	dựng theo hướng tối ưu hóa về trình tự thực hiện đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện	trình UBND tỉnh công bố	chính của UBND tỉnh.				
7	1.7. Xây dựng quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015, điện tử hóa 100% các quy trình đã xây dựng	2.7 Tổ chức xây dựng quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan. Điện tử hóa các quy trình để thực hiện	3.7 Tổ chức triển khai xây dựng các quy trình nội bộ	Các quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị.	Quý I-IV năm 2024	Theo dự toán được cấp
8	1.8. Đảm bảo 25% tổng số cơ quan, đơn vị áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng được kiểm tra, đánh giá trong năm	2.8. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị theo yêu cầu TCVN ISO 9001:2015 và các quy định liên quan khác	3.8. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá tại các cơ quan, đơn vị đã xây dựng, áp dụng hệ thống	Kiểm tra tại 125 cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ (chủ trì, phối hợp kiểm tra)	Các cơ quan, đơn vị	Quý II-IV năm 2024	Theo dự toán được cấp

9	1.9. Đảm bảo 30% các cơ quan, đơn vị được tham gia tập huấn hoặc đào tạo nghiệp vụ về ISO hành chính trong năm	2.9. Tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ về Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015	3.9. Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo	Tổ chức 04 lớp tập huấn; 01 lớp đào tạo nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá theo TCVN ISO 9001:2015	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức đào tạo, chứng nhận hệ thống	Quý I-IV năm 2024	Theo dự toán được cấp
---	--	---	--	--	--------------------------	---	-------------------	-----------------------